TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 27/2026/DS-PT Ngày: 02/02/2026 *"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Diễn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hải Nam và Ông Vũ Văn Thuấn.

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*: Bà Chu Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/01/2026 và ngày 02/02/2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2025/TLPT-DS ngày 08/12/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của TAND tỉnh Quảng Ngãi giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977;

Cư trú tại số E đường T, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+Bà Trần Thị B, sinh năm 1982, theo văn bản quyền ngày 09/12/2024; Cư trú tại số E đường T, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

+Bà Bùi Thị Hồng Á, sinh năm 1972 và anh Võ Bùi Thụy K, sinh năm 1997, theo văn bản quyền lập ngày 06/01/2026;

Cùng trú tại: số B đường H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi

- *Bị đơn:* Công ty C.

Địa chỉ trụ sở: Lô C, Khu công nghiệp Q, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T – Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trịnh Duy H - sinh năm 1953; cư trú tại số B đường L, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Theo văn bản uỷ quyền lập ngày

04/01/2026.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Võ Văn S - sinh năm 1965; cư trú tại số D đường N, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Trịnh Duy H - sinh năm 1953; cư trú tại số B đường L, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

+ Ông Võ Văn T - sinh năm 1955; cư trú tại số D đường N, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà B, bà Á, anh K, ông H, ông S có mặt. Ông Võ Văn T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ, vụ án được tóm tắt như sau

1.1 Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn L là công nhân của Công ty C, trong những năm trước Công ty làm ăn gặp nhiều khó khăn không có tiền chi trả lương cho người lao động nên Công ty có hỏi ông L vay tiền để trả lương cho công nhân. Ngày 18/4/2017 ông L cho Công ty vay số tiền 200.000.000đồng có viết giấy nợ có các ông Võ Văn T, Võ Văn S và Trịnh Duy H là những thành viên góp vốn của Công ty (do ông Võ Văn T làm giám đốc) ký tên. Đồng thời cam kết Công ty sẽ trả khoản nợ trên, trường hợp không trả được thì các ông Võ Văn T, Võ Văn S và Trịnh Duy H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L.

Khoản tiền để trả nợ cho ông L, Công ty cam kết sẽ trích từ tiền bán hàng cho Công ty T1 chuyển về. Tuy nhiên khi tiền Công ty T2 về cho Công ty C thì Công ty không sử dụng nguồn tiền này trả nợ cho ông L mà sử dụng vào việc khác, mặc dù ông L đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vẫn không trả mà kéo dài cho đến nay.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty C có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu Công ty trả lãi suất.

Đối với số tiền 205.330.000đồng công ty trả cho ông L ngày 13/02/2018 là khoản vay Công ty vay của ông L vào ngày 29/01/2018. Số tiền này khi cho vay ông L nộp vào tài khoản Công ty C ở Ngân hàng A ngày 29/01/2018 với số tiền 150.000.000đồng, còn lại 50.000.000đồng nhập vào quỹ Công ty. Công ty có viết giấy nợ cho ông L cùng ngày 29/01/2018. Đến ngày 13/02/2018 công ty đã trả nợ xong cho ông L 200.000.000đồng tiền gốc và 5.333.000đồng tiền lãi, sau khi trả xong nợ Công ty đã thu lại giấy nợ này.

Như vậy, đối với số tiền mà Công ty vay của ông L vào ngày 29/01/2018 thì Công ty đã trả nợ gốc và lãi xong vào ngày 13/02/2018; Còn khoản tiền Công ty vay ông L vào ngày 18/4/2017 đến nay chưa trả, ông L vẫn đang giữ

giấy nợ này nên yêu cầu Tòa án buộc Công ty C có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho ông L.

1.2 Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Văn L có làm việc tại Công ty C một thời gian. Trong quá trình làm việc, ông L có cho công ty vay vài lần khi công ty cần tiền. Đối với khoản vay ngày 18/4/2017, công ty đã thanh toán xong cho ông L vào ngày 13/02/2018 trong đó số tiền gốc là 200.000.000đồng, tiền lãi là 5.333.000đồng, tổng cộng 205.330.000đồng. Kể từ năm 2018 ông L không còn làm việc cho Công ty N. Nay, ông L lục ra giấy nợ cũ đã thanh toán, rồi đi kiện công ty. Công ty C không chấp nhận.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng ông L chuyển cho công ty C ngày 29/01/2018, đề nghị ông L chứng minh thông tin chuyển khoản là nội dung gì và số tiền 50.000.000 đồng cung cấp giấy xác nhận đã nhập quỹ công ty? Việc ông Nguyễn Văn L đã nhận đủ tiền mà còn đi khởi kiện là hành vi gian dối.

Vì vậy, Công ty C kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

1.3 Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S, Trịnh Duy H thống nhất như trình bày của bị đơn.

2. Quyết định của bản án sơ thẩm:

Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi đã quyết định như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

Buộc Công ty C phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền thi hành án, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. Kháng cáo

Ngày 13/10/2025, bị đơn là Công ty C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Duy H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX tuyên bản án theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm

4.1 Các đương sự trình bày:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn L 02 khoản vay ngày 18/4/2017 và ngày 29/01/2018 như nguyên đơn trình bày nhưng đã trả đủ. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm.

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Duy H làm trong hạn luật định là hợp lệ theo Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi xét xử và tuyên án vụ án nêu trên; ngày 13/10/2025, bị đơn là Công ty C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Duy H có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn là bị đơn là Công ty C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Duy H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]Tại cấp phúc thẩm, Công ty C có nộp đơn trình bày đề ngày 05/01/2026 và tại phiên toà, ông Trịnh Duy H (là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty C) trình bày:

"Nguyên trước đây, ông Nguyễn Văn L có làm việc tại Công ty C một thời gian, trong quá trình làm việc, ông L có cho công ty V vài lần trong một số trường hợp công ty cần tiền. Tuy nhiên, công ty đã thanh toán xong cho ông L. Kể từ năm 2018 ông L không còn làm việc nữa. Về khoản vay của ông L: Công ty C có vay của ông Nguyễn Văn L 02 lần, với tổng số tiền 400.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 18/4/2017 vay ông Nguyễn Văn L 200.000.000 đồng để trả phát lương cho nhân viên. Ngày 29/01/2018, ông L chuyển khoản vào tài khoản của công ty C tại Ngân hàng A số tiền 150.000.000 đồng và sau đó, ông L đưa tiền mặt số tiền: 50.000.000 đồng cho công ty nhập quỹ. Tuy nhiên, công ty C đã trả xong tất cả các khoản nợ trên cho ông Nguyễn Văn L, cụ thể như sau:

1./ Đối với khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 29/01/2018, ông L chuyển khoản vào tài khoản của công ty C tại Ngân hàng A số tiền 150.000.000 đồng và sau đó, ông L đưa tiền mặt số tiền: 50.000.000 đồng cho công ty nhập quỹ. Công ty C đã thanh toán xong cho ông L vào ngày 13/02/2018 với số tiền 205.333.000 đồng, trong đó, nợ gốc 200.000.000 đồng tiền lãi là 5.333.000

đồng. Tại Đơn trình bày ngày 06/9/2025 của ông Nguyễn Văn L gửi Tòa án sơ thẩm cũng đã xác nhận công ty C trả xong khoản tiền này.

2./ Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 18/4/2017 để trả phát lương cho nhân viên theo Giấy Nhận Nợ Vay ngoài của Công ty C ngày 18/4/2017. Công ty C cũng đã thanh toán xong cho ông L vào ngày 22/9/217 với số tiền 201.330.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi 1.330.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, công ty C chưa cung cấp giấy thanh toán nợ này."

[2.2] Như vậy, các bên đương sự thống nhất với nhau nội dung: Công ty C vay của ông Nguyễn Văn L 02 lần:

+ Lần 1: Ngày 29/01/2018 vay 200.000.000 đồng. Ngày 13/02/2018 Công ty C đã thanh toán số tiền 205.333.000 đồng (trong đó: nợ gốc 200.000.000 đồng tiền lãi là 5.333.000 đồng) cho khoản vay này;

+ Lần 2: Ngày 18/4/2017 vay 200.000.000 đồng.

[2.3] Các bên đương sự không thống nhất với nhau về việc trả nợ cho khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 18/4/2017. Công ty C trình bày đã trả đủ cho khoản vay ngày 18/4/2017 cho ông L vào ngày 22/9/2017 với số tiền 201.330.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi 1.330.000 đồng), thể hiện bằng Giấy đề nghị thanh toán số 258 đề ngày 22/9/2017 bản gốc mà ông Trịnh Duy H1 giao nộp cho Toà án tại cấp phúc thẩm. Nguyên đơn trình bày chưa nhận được số tiền này.

[2.4] Xét Giấy đề nghị thanh toán số 258 đề ngày 22/9/2017 bản gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy đề nghị thanh toán số 258 này có nội dung: "Ông Nguyễn Văn L, địa chỉ: Công ty C đề nghị thanh toán số tiền 201.330.000 đồng. Nội dung thanh toán: Trả gốc vay ngoài: 200.000.000 đồng. Trả lãi 04 ngày 19/9 đến 22/9: 1.330.000 đồng (P lương). Phía dưới ông Nguyễn Văn L ký tại mục người đề nghị, ông Trịnh Duy H ký tại mục Lãnh đạo công ty và đóng dấu của Công ty C". Tại Giấy đề nghị thanh toán số 258 này không có nội dung ông Nguyễn Văn L đã nhận được số tiền 201.330.000 đồng mà ông L đề nghị thanh toán. Đối chiếu với Giấy đề nghị thanh toán số 35 đề ngày 15/2/2018 (bút lục 62) là tài liệu do Công ty C giao nộp để chứng minh cho việc trả nợ khoản vay ngày 29/01/2018, thì giấy đề nghị thanh toán này ông L có ký và ghi "L đã nhận đủ số tiền trên" Công ty C không giao nộp được thêm tài liệu chứng cứ gì về việc đã thanh toán khoản vay 200 triệu đồng vào ngày 18/4/2017 cho ông L.

[2.5]Tại phiên tòa ngày 02/2/2026, ông Trịnh Duy H cung cấp bản phô tô giấy đề nghị thanh toán số 99 ngày 09/5/2017 và cho rằng giấy này tương tự Giấy đề nghị thanh toán số 258 đề ngày 22/9/2017 mà ông đã nộp. Ông L không khởi kiện đối với khoản vay theo giấy đề nghị thanh toán số 99 này, chứng minh việc có giấy đề nghị thanh toán là đã thanh toán cho ông L. Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung trình bày này của ông H là không có căn cứ chấp nhận vì ông L xuất trình được giấy nợ gốc của khoản vay ngày 18/4/2017, giấy đề nghị thanh toán số 99 ngày 09/5/2017 không liên quan đến vụ án này nên không xem xét.

[2.6]Qua những phân tích trên, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, buộc Công ty C phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Duy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự phúc thẩm: Đơn kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty C và ông Trịnh Duy H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty C.
2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trịnh Duy H.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty C và ông Trịnh Duy H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 2296 ngày 13/11/2025 và biên lai số 2087 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 1 – Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Công Diễn